

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo Digitatis Humanae

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Lời Giới Thiệu

Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo là một văn kiện đáng kể và quan trọng trong lịch sử Giáo Hội, khai mở một kỷ nguyên mới cho mối liên lạc của Giáo Hội với thế giới hiện đại.

Bản văn hình thành rất phức tạp. Có đến sáu lược đồ được đệ trình cho các Nghị Phụ tranh luận, sửa chữa để đúc kết thành bản văn chính thức. Chủ đề này đã tạo nên cuộc tranh luận sôi nổi trong Công Đồng và khiến thế giới ngoài Kitô giáo chú trọng đặc biệt để tìm hiểu Giáo Hội thành thực đến mức nào trong nỗ lực cởi mở với thế giới cũng như dành cho lược đồ này tầm quan trọng thế nào.

Khi trình bày lược đồ cho các Nghị Phụ ở Công Đồng, Đức Cha De Smedt đã lưu ý đến nhiều lý do cổ võ cho tuyên ngôn này. Trước hết là lý do "chân lý": Giáo Hội phải truyền dạy và bênh vực quyền tự do tôn giáo vì đây là một chân lý Chúa Kitô đã ủy thác cho Giáo Hội gìn giữ. Thứ đến, ngài nói tới lý do "bảo vệ": chúng ta hiện sống trong một thời đại mà phân nửa nhân loại không có Tự Do Tôn Giáo vì sự ngăn cản thiên hình vạn trạng của chủ nghĩa duy vật vô thần, nên Giáo Hội có bổn phận phải bảo vệ quyền Tự Do này. Sau đó, ngài đề cập đến lý do "sống chung hòa bình": trong một thời đại ngập tràn nhiều lý thuyết khác biệt. Giáo Hội phải vạch đường lối hướng đến việc cộng tác với nhau nhiều hơn và rộng lớn hơn. Sau cùng Đức Cha đưa ra lý do "hiệp nhất": vì nhiều người ngoài Công Giáo nghi ngờ Giáo Hội Công Giáo theo thuyết của Machiavello, nghĩa là chỉ cô đọng Tự Do Tôn Giáo nơi nào Công Giáo chỉ là thiểu số, và coi thường hay từ chối quyền Tự Do đó khi người Công Giáo chiếm đa số, bởi thế Giáo Hội cần cố gắng làm sáng tỏ vấn đề.

Thực sự, nếu Công Đồng chỉ muốn nêu ra vài tiêu chuẩn hành động, chắc chắn bản văn sẽ dễ dàng được tất cả các Nghị Phụ đồng ý. Nhưng công việc quả thật rất khó khăn, vì ở đây Công Đồng đưa ra vấn đề dựa vào những nền tảng giáo lý vững chắc. Và riêng điểm này cũng đã là nan giải, vì nhiều quan điểm đối nghịch nhau có thể dễ dàng phát khởi tính cách phức tạp của vấn đề; chẳng hạn như những kiểu giải thích các văn kiện thuộc quyền Giáo Huấn ở các thế kỷ vừa qua, cũng như hoàn cảnh văn hóa dị biệt của những cộng đoàn Công Giáo khác nhau mà các Nghị Phụ đại diện. Nhất là còn phải tránh tất cả mọi nguy hiểm thuyết dừng dung, của chủ trương xu thời, cũng như của thuyết tương đối về vấn đề tôn giáo... Do đó, phải nêu rõ bổn phận

đi tìm chân lý của mỗi cá nhân và đồng thời vẫn bảo vệ quyền tự do thiết yếu của họ trong công cuộc đi tìm chân lý ấy trên bình diện xã hội.

Một trong những khó khăn lớn lao nhất là phải tìm ra một khía cạnh thích đáng đề cập vấn đề. Ý niệm cổ truyền về sự "khoan dung" thì quá thiếu sót và tiêu cực. Còn ý niệm về quyền của một lương tâm sai lầm (ý niệm rất thông thường trong thần học luân lý) lại đòi hỏi nhiều tế nhị. Lý luận như thế có thể khiến cho lương dân không thể nào hiểu được, vì nó giả thiết phải chuyển biến từ lãnh vực luân lý sang lãnh vực pháp lý. Cuối cùng, các Nghị Phụ đã tìm gặp ý niệm nhân phẩm; và dưới nhiều khía cạnh phụ thuộc khác nhau, ý niệm này đã trở thành nền tảng căn bản duy nhất cho Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo.

Có thể nói rằng tiến trình soạn thảo chậm chạp của bản Tuyên Ngôn đã đánh dấu một nỗ lực kiên trì của Thánh Công Đồng nhằm tránh việc đề cập vấn đề một cách quá tin lý. Đồng thời Tuyên Ngôn cố gắng dựa vào sứ mệnh đặc biệt mà Giáo Hội đã lãnh nhận nơi Chúa Kitô để diễn tả phạm vi này là một phạm vi cần thiết cho hết mọi người cũng như cho tất cả những cộng đoàn tôn giáo trong hành trình đi tìm chân lý, một phạm vi đủ để Giáo Hội chu toàn sứ mệnh Chúa Kitô ủy thác.

Ngày 7 tháng 12 năm 1965, với 2,308 phiếu thuận và 70 phiếu chống, bản văn đã được các nghị Phụ chấp thuận và được Đức Giáo Hoàng Phaolô VI tuyên bố là văn kiện thuộc Quyền Giáo Huấn.

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Khóa IX Ngày 07 tháng 12 Năm 1965

Phaolô Giám Mục

Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa

**Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ**

**Tuyên Ngôn
về Tự Do Tôn Giáo
Digitatis Humanae**

**Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X
Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia**

**Quyền Tự Do Tôn Giáo
Của Cá Nhân Và Đoàn Thể
Trong Lãnh Vực Tôn Giáo
Là Một Quyền Tự Do Xã Hội
Và Dân Sự ^{1*}**

Lời Mở Đầu

1. Nhân phẩm càng ngày càng được con người thời đại chúng ta ý thức mãnh liệt hơn ¹, và xã hội luôn gia tăng số người đòi hỏi cho mình trong khi hành động được hưởng dụng quyền tự quyết và tự do nhận trách nhiệm, không bị một áp lực nào chi phối nhưng do ý thức về bản phận dẫn dắt ^{2*}. Cũng vậy, họ đòi hỏi công quyền phải được định giới theo thể thức pháp luật, để cho phạm vi tự do chân chính của cá nhân cũng như đoàn thể không bị hạn hẹp quá đáng. Sự đòi hỏi quyền tự do này trong xã hội nhân loại trước hết nhằm tới những sản nghiệp tinh thần con người và nhất là quyền tự do hành đạo trong xã hội. Thánh Công Đồng Vaticanô này vì ân cần lo lắng đến những khát vọng tinh thần và nhằm xác định xem chúng phù hợp với chân lý và công bình đến mức nào, nên tra cứu Thánh Truyền và giáo thuyết của Giáo Hội để từ đó khám phá ra những điều mới nhưng luôn luôn hòa hợp với những điều cũ.

Vì thế, trước hết Thánh Công Đồng tuyên bố ^{3*} rằng chính Thiên Chúa đã chỉ cho nhân loại biết con đường, để nhờ đó, trong khi phụng thờ Ngài, con người có thể được cứu rỗi và hạnh phúc trong Chúa Kitô. Chúng tôi tin rằng Tôn Giáo chân thật, duy nhất này tồn tại trong Giáo Hội Công Giáo và Tông Truyền. Giáo Hội mà Chúa Giêsu đã ủy thác nhiệm vụ truyền bá cho mọi người, khi Người phán cùng các Tông Đồ: "Vậy các con hãy đi dạy dỗ muôn dân, rửa tội cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần; hãy dạy dỗ họ vâng giữ mọi điều Thầy đã truyền cho các con" (Mt 28,19-20). Vậy mọi người đều có nhiệm vụ tìm kiếm chân lý, nhất là những chân lý có liên quan tới Thiên Chúa và Giáo Hội Người, và khi nhận biết rồi, họ phải tin theo và tuân giữ.

Cũng thế, Thánh Công Đồng còn tuyên bố rằng những bản phận này liên quan đến lương tâm con người cũng như ràng buộc lương tâm con người, và chân lý tự nó có sức mạnh ép buộc chứ không dựa trên một uy quyền nào khác, sức mạnh ấy ăn sâu vào các tâm hồn một cách vừa êm dịu vừa mãnh liệt. Hơn nữa, vì tự do tôn giáo, sự tự do mà con người đòi hỏi trong khi thi hành nhiệm vụ phụng thờ Thiên Chúa, có nghĩa là không bị một áp bức nào trong xã hội dân sự ràng buộc, nên sự tự do đó bảo toàn được nguyên vẹn giáo lý truyền thông công giáo về bản phận luân lý của con người cũng như của các đoàn thể đối với tôn giáo chân thật và Giáo Hội duy nhất của Chúa Kitô. Và lại, khi bàn về tự do tôn giáo, Thánh Công Đồng muốn khai triển học thuyết của các vị Giáo Hoàng gần đây nhất về những quyền lợi bất khả xâm phạm của con người cũng như về cơ cấu pháp lý của xã hội.

Chú Thích:

1* Những chữ dùng trong Tuyên Ngôn đều được ân nhắc cẩn thận, và chúng xác định giá trị đúng đắn của văn kiện. Bản Tuyên Ngôn đề cập trực tiếp đến phương diện pháp luật, nghĩa là đến mối liên lạc giữa các chủ thể trong xã hội, chứ không đặt vấn đề bản tính của tự do hoặc phân loại tự do.

Từ ngữ "quyền" được Thánh Công Đồng sử dụng ở đây ám chỉ một quyền lợi đặt căn bản trên chính bản tính của con người, chứ không phải phát sinh do sự khôn ngoan chính trị của một chính quyền nào. Và cách nói "trong lãnh vực tôn giáo" được Thánh Công Đồng chọn lựa với ý định làm nổi bật quyền tự do lựa chọn trong vấn đề tôn giáo, kể cả thuyết vô thần.

Sau cùng, sự tự do ở đây không phải là tự do trong tương quan giữa Thiên Chúa với con người, nhưng là một sự tự do xã hội. Cũng thế, khi tự hạn định tự do trong dân luật, bản Tuyên Ngôn sẽ không đi vào vấn đề liên lạc giữa tín hữu và giáo quyền. Dĩ nhiên bên trong Giáo Hội, vẫn giữ sự kính trọng quyền tự do, nhưng Giáo Hội lại có một bản tính sâu xa, một mục đích và một trật tự pháp lý riêng biệt nữa. ([Trở lại đầu trang](#))

1 Xem Gioan XXIII, Tđ Pacem in terreis, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 279; n.v.t. trg 265. - Piô XII, Nuntius radiophonicus, 24-12-1944: AAS 37 (1945), trg 14. ([Trở lại đầu trang](#))

2* Phần lý luận và lịch sử được đề cập trước phần mạc khải (số 9-15). Như thế, Công Đồng muốn hết mọi người có thể nhận thức được vấn đề. Khi nêu lên ở phần đầu ý thức tiệm tiến về nhân phẩm con người và niềm khát vọng tự do dân sự đối với việc thi hành quyền tự do tôn giáo, bản Tuyên Ngôn công nhận rằng quyền tự do tôn giáo, theo nghĩa hẹp, chính là một ý niệm có tính cách pháp lý được nhìn nhận trong công quyền hiện đại. ([Trở lại đầu trang](#))

3* Sự tuyên xưng đức tin này cốt để tránh những hiểu lầm có thể có đối với ý nghĩa bản Tuyên Ngôn này. Nhưng như bản Tuyên Ngôn sẽ biểu lộ, giáo thuyết về một tôn giáo độc nhất và chân thật nói ở đây không "giao thoa" với giáo thuyết về tự do tôn giáo. ([Trở lại đầu trang](#))

Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo Digitatis Humanae

**Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X
Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia**

I. Quan Điểm Tổng Quát Về Tự Do Tôn Giáo

2. *Đôi tượng và nền tảng của tự do tôn giáo.* Thánh Công Đồng Vaticanô này tuyên bố con người có quyền tự do tôn giáo^{4*}. Quyền tự do này hệ tại con người không bị chi phối vì sự cưỡng bách^{5*} của cá nhân, đoàn thể xã hội hay bất cứ quyền bính trần gian nào khác. Với ý nghĩa đó, trong lãnh vực tôn giáo, không ai bị ép buộc hành động trái với lương tâm, cũng không ai bị

ngăn cấm hành động theo lương tâm, dù cho đó là hành động riêng tư hay công khai, một mình hay cùng với người khác, trong những giới hạn chính đáng. Hơn nữa, Thánh Công Đồng còn tuyên bố rằng tự do tôn giáo thực sự được xây dựng trên phẩm giá con người^{6*}, một phẩm giá đúng như lời Thiên Chúa mạc khải và chính lý trí cho biết được². Quyền tự do tôn giáo của con người trong cơ cấu pháp lý của xã hội phải được chấp nhận là một quyền lợi dân sự.

Xét theo phẩm giá, mọi người, vì là những nhân vị nghĩa là có trí khôn và ý chí tự do, nên phải chịu trách nhiệm về cá nhân mình^{7*}. Vì thế, do bản tính tự nhiên thúc đẩy, cũng như do bổn phận luân lý đòi buộc, con người phải tìm kiếm chân lý, nhất là chân lý liên quan đến tôn giáo. Họ cũng phải tin theo chân lý đã nhận biết, và hướng dẫn toàn thể đời sống mình theo những đòi hỏi của chân lý. Tuy nhiên, con người không thể chu toàn bổn phận đó một cách thích hợp nếu không được hưởng dụng sự tự do tâm lý đồng thời được đặc miễn đối với sức cưỡng bách bên ngoài^{8*}. Vậy quyền tự do tôn giáo đặt nền tảng trên chính bản tính con người, chứ không phải trên thái độ chủ quan của con người. Vì ngay cả những người không chu toàn nhiệm vụ tìm kiếm và tuân theo chân lý, vẫn còn quyền đặc miễn này, và không ai được ngăn cản việc hành xử quyền ấy nếu trật tự công cộng chính đáng vẫn được bảo đảm.

3. Tự do tôn giáo và mối tương quan tất yếu giữa con người với Thiên Chúa. Những điều trên đây còn sáng tỏ hơn nữa đối với những ai chấp nhận khuôn mẫu tối thượng của đời sống con người là chính luật vĩnh cửu, khách quan và phổ cập của Thiên Chúa. Qua luật này, Ngài xếp đặt, hướng dẫn và điều khiển cả hoàn vũ cũng như các hướng đi của cộng đoàn nhân loại trong ý định đầy khôn ngoan và thương mến của Ngài^{9*}. Ngài đã cho con người được tham dự vào lẽ luật của Ngài, để con người, nhờ sự an bài yêu thương của Thiên Chúa quan phòng, ngày càng có thể nhận biết chân lý không hề đổi thay³. Vì thế, mỗi người đều có bổn phận, và do đó, có quyền tìm kiếm chân lý trong lãnh vực tôn giáo, để họ dùng những phương tiện thích đáng mà phán đoán đúng đắn và chân thật theo lương tâm một cách khôn ngoan.

Tuy nhiên phải tìm kiếm chân lý theo cách thể xứng hợp với phẩm giá và bản tính xã hội của con người, tức là bằng việc tự do tìm kiếm, bằng lời giảng dạy hay giáo huấn, bằng trao đổi và đối thoại. Nhờ đó, con người bày tỏ cho nhau biết chân lý mà mình tìm được hay nghĩ là đã tìm được, hầu giúp đỡ lẫn nhau trong việc tìm kiếm chân lý. Một khi đã tìm thấy chân lý, mỗi người phải tự mình xác nhận và vững mạnh tin theo.

Thực ra, nhờ lương tâm, con người nhận thức và hiểu biết những mệnh lệnh của lẽ luật Chúa. Họ phải trung thành tuân theo lương tâm ấy trong mọi hoạt động của mình hầu tiến tới Thiên Chúa là cùng đích. Vì vậy, không ai bị cưỡng bách hành động trái với lương tâm, cũng như không ai bị ngăn cấm hành động theo tiếng lương tâm nhất là trong lãnh vực tôn giáo. Vì việc hành đạo, tự bản chất, trước hết ở tại những hành vi ý chí và tự do bên trong, hướng con người thẳng tới Thiên Chúa. Những hành vi này không thể bị một quyền bính thuận nhân loại nào ép buộc hay ngăn cản⁴. Đàng khác, chính bản tính xã hội của con người đòi hỏi phải diễn tả những hành vi tôn giáo bên trong ra bên ngoài, thông truyền cho nhau trong lãnh vực tôn giáo, tuyên xưng đạo của mình dưới hình thức cộng đoàn.

Vậy chối bỏ quyền tự do hành đạo của con người nơi xã hội, trong trường hợp trật tự công cộng vẫn được bảo đảm, tức là nhục mạ con người và trật tự mà Thiên Chúa đã ấn định cho con người.

Hơn nữa theo bản chất, những hành vi tôn giáo nào còn giúp con người tự ý hướng tới Thiên Chúa một cách riêng tư hay công khai đều vượt trên phạm vi trần thế và thời gian của sự vật. Bởi vậy, quyền bính dân sự, vì mục đích riêng biệt là phục vụ công ích trần thế, nên phải nhìn nhận

và nâng đỡ đời sống tôn giáo của người công dân. Nhưng nếu tự ý hướng dẫn hay ngăn cản hành vi tôn giáo, thì quyền bính này phải nói là đã vượt quá những giới hạn của mình.

4. Tự do của cộng đoàn tôn giáo. Quyền tự do hay quyền đặc miễn khỏi mọi cưỡng bách trong lãnh vực tôn giáo được nhìn nhận cho mỗi cá nhân, thì cũng phải được chấp nhận trong khi họ hành động chung với nhau ^{10*} vì bản tính xã hội của con người cũng như bản chất của tôn giáo đều đòi phải có những cộng đoàn tôn giáo.

Vậy, nếu không phương hại đến những đòi hỏi chính đáng của trật tự công cộng, về pháp lý các cộng đoàn này phải được tự do ^{11*} để hoạt động theo những quy luật riêng, công khai phụng thờ Đấng Tối Cao giúp đỡ các tín hữu trong việc thực thi đời sống tôn giáo, nuôi dưỡng họ bằng giáo lý, phát triển các tu hội, trong đó các phần tử cộng tác với nhau để tổ chức đời sống riêng theo những nguyên tắc tôn giáo của họ.

Các cộng đoàn tôn giáo cũng có quyền đòi các cơ quan lập pháp, hành pháp dân sự không có quyền ngăn cản việc chọn lựa, đào tạo, bổ nhiệm và chuyển các viên chức riêng của mình, việc liên lạc với giáo quyền và những cộng đoàn tôn giáo ở những nơi khác trên hoàn cầu, việc thiết lập các cơ sở tôn giáo cũng như thu hoạch và quản trị những tài sản thích hợp.

Các cộng đoàn tôn giáo cũng có quyền công khai giảng dạy và minh chứng đức tin của mình bằng lời nói và bằng chữ viết mà không bị cấm cản. Nhưng trong khi truyền bá và đem thực hành đức tin tôn giáo, phải luôn luôn tránh mọi hành động có tính cách ép buộc, thuyết phục bất chính hay kém ngay thẳng, nhất là đối với những người chất phác và nghèo túng. Hành động như thế là lạm dụng quyền lợi của mình và xâm phạm quyền lợi của người khác.

Ngoài ra, tự do tôn giáo còn có nghĩa là các cộng đoàn tôn giáo không bị ngăn cản trong việc tự do biểu lộ các hiệu năng riêng của giáo thuyết mình trong việc tổ chức xã hội và làm cho toàn thể sinh hoạt nhân loại được sống động. Sau hết, theo bản tính xã hội của con người, cũng như theo bản chất của tôn giáo, con người có quyền tự do hội họp hay thành lập những hiệp hội giáo dục, văn hóa, từ thiện và xã hội do cảm thức tôn giáo thúc đẩy.

5. Tự do tôn giáo của gia đình. Mỗi gia đình, với tư cách là xã hội được hưởng quyền lợi riêng biệt và tiên quyết, có quyền tự do tổ chức đời sống tôn giáo trong gia đình mình, dưới sự hướng dẫn của cha mẹ. Cha mẹ cũng có quyền ấn định việc giáo dục cho con cái theo tôn giáo mình tin tưởng. Vì thế, quyền bính dân sự phải chấp nhận quyền tự do thực sự của cha mẹ trong việc lựa chọn trường học và những phương tiện giáo dục khác, và không có quyền vì lẽ được tự do lựa chọn mà bắt họ phải chịu đựng những gánh nặng bất công dù trực tiếp hay gián tiếp. Ngoài ra, quyền lợi của cha mẹ sẽ bị xâm phạm, nếu con cái họ bị cưỡng bách theo học những môn học không đáp ứng với niềm xác tín về tôn giáo của họ, hay bắt phải theo một lề lối giáo dục duy nhất hoàn toàn loại bỏ việc giáo dục tôn giáo.

6. Cần quan tâm đến tự do tôn giáo. Lợi ích chung của xã hội ^{12*} bao gồm tất cả những điều kiện của đời sống xã hội nhằm giúp con người có thể tiến tới sự hoàn bị của chính mình một cách đầy đủ và dễ dàng hơn. Lợi ích ấy hệ tại đặc biệt vào việc bênh vực những quyền lợi và bổn phận của con người ⁵. Vì thế, tùy cách thể riêng, các công dân, đoàn thể xã hội, quyền bính dân sự cũng như Giáo Hội và các cộng đoàn tôn giáo khác đều có nhiệm vụ lo lắng đến quyền tự do tôn giáo theo như nhiệm vụ của mình đối với công ích.

Nhiệm vụ thiết yếu của quyền bính dân sự là bảo vệ và phát huy những quyền lợi bất khả xâm phạm của con người ⁶. Do đó, quyền bính dân sự phải bảo vệ cách hữu hiệu quyền tự do tôn giáo của mọi công dân bằng những đạo luật chính đáng và những phương tiện thích hợp khác, phải tạo nên những điều kiện thuận lợi giúp phát triển đời sống tôn giáo. Nhờ đó, các công dân có thể

thực sự hưởng dụng những quyền lợi và chu toàn những nhiệm vụ đối với tôn giáo, đồng thời xã hội sẽ được hưởng nhờ những lợi ích của công lý và hòa bình, phát sinh do lòng trung thành con người đối với Thiên Chúa và thánh ý Ngài ⁷.

Đối với những dân tộc, vì hoàn cảnh riêng, mà đặc biệt chỉ chấp nhận một cộng đoàn tôn giáo nào đó theo thể chế pháp lý của quốc gia ^{13*}, thì đồng thời cũng phải nhìn nhận và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng đối với tất cả các công dân và cộng đoàn tôn giáo.

Sau hết, quyền bình dân sự phải lo liệu sao cho quyền được bình đẳng trên phương diện pháp lý của các công dân, là quyền liên quan đến công ích xã hội, không bao giờ bị xâm phạm dù cách công khai hay kín đáo vì những lý do tôn giáo, cũng như phải tránh mọi sự chia rẽ giữa các công dân.

Do đó, công quyền không được phép dùng bạo lực, đe dọa hay những phương tiện khác để bắt buộc người dân phải tuyên xưng hay chối bỏ một tôn giáo nào, hoặc ngăn cản không cho họ gia nhập hay rời bỏ một cộng đoàn tôn giáo. Công quyền sẽ đi ngược với ý định của Thiên Chúa và những quyền lợi thiêng liêng của cá nhân cũng như của gia đình các dân tộc, nếu dùng bạo lực dưới bất cứ hình thức nào để tiêu diệt hay cấm đoán một tôn giáo trong toàn thể nhân loại, trong một miền hay một nhóm người nào đó.

7. Những giới hạn của tự do tôn giáo. Vì quyền tự do trong lãnh vực tôn giáo được thi hành trong xã hội loài người, nên việc hưởng dụng quyền này cần phải dựa theo một vài quy tắc hướng dẫn ^{14*}.

Trong khi hưởng dụng mọi quyền tự do, nguyên tắc luân lý phải tuân giữ là trách nhiệm cá nhân và đoàn thể: khi hành xử những quyền lợi của mình, cá nhân cũng như đoàn thể, phải tuân giữ luân lý nghĩa là phải quan tâm đến quyền lợi của người khác, cũng như những bổn phận của mình đối với tha nhân và lợi ích chung của mọi người. Phải đối xử với mọi người theo lẽ công bình và tình nhân loại.

Ngoài ra, xã hội dân sự có quyền tự vệ chống lại những lạm dụng có thể nảy sinh dưới chiêu bài tự do tôn giáo. Đặc biệt, quyền bình dân sự phải bảo lãnh việc tự vệ này. Tuy nhiên, quyền bình dân sự cũng không được thi hành cách độc đoán hay thiên vị một phe phái nào, nhưng phải dựa theo những quy tắc pháp lý, phù hợp với trật tự luân lý khách quan. Những quy tắc ấy cần phải có, để bảo vệ hữu hiệu và dung hòa được quyền lợi của mọi công dân, bảo đảm đúng mức nền an ninh công cộng đích thực khả dĩ giúp mọi người sống chung trong công bằng chân chính, và bảo vệ được nền luân lý chung. Tất cả những điều đó tạo nên phần chính yếu của lợi ích chung và được gọi là trật tự công cộng ^{15*}. Ngoài ra, cần phải duy trì tập quán về tự do trọn vẹn trong xã hội, theo đó, con người phải được tự do đến mức tối đa và chỉ bị hạn chế trong trường hợp khẩn thiết mà thôi.

8. Huấn luyện con người biết thực thi tự do tôn giáo. Con người thời đại chúng ta thường bị nhiều áp lực khác nhau dồn ép và bị đe dọa mất quyền tự do phán đoán theo quan điểm cá nhân. Đáng khác, nhiều người dường như có khuynh hướng dựa vào tự do mà chối bỏ mọi sự lệ thuộc và coi nhẹ việc vâng lời phải lẽ.

Vì thế, Thánh Công Đồng Vaticanô này khuyến khích mọi người, nhất là những ai có sứ mạng giáo dục kẻ khác, hãy cố gắng đào tạo nên những con người biết vâng phục quyền bình hợp pháp và yêu chuộng sự tự do đích thực trong khi tuân giữ trật tự luân lý. Hãy cố gắng đào tạo nên những con người biết tự phán đoán các sự việc dưới ánh sáng chân lý, biết hành động với tinh thần trách nhiệm và cố gắng theo đuổi những điều chân thật và công bằng, bằng cách tự ý cộng tác với người khác.

Vậy tự do tôn giáo cũng phải giúp đỡ và hướng dẫn con người để khi chu toàn nhiệm vụ của mình trong đời sống xã hội, con người sẽ hành động với nhiều ý thức trách nhiệm hơn.

Chú Thích:

4* Đây là xác quyết quan hệ và long trọng nhất của toàn văn kiện. Đoạn này tổng hợp những yếu tố nòng cốt của văn kiện. ([Trở lại đầu trang](#))

5* Đối tượng của quyền tự do tôn giáo không cấu tạo bởi nội dung của những niềm tin tôn giáo; lý do là vì nếu một niềm tin tôn giáo chứa đựng những yếu tố sai lầm, thì như vậy có nghĩa là công nhận quyền tuyên xưng điều lầm lạc và quyền làm điều xấu. Đối tượng này cũng không thể định nghĩa theo chiều hướng của một khả năng luân lý để làm một điều gì. Bản văn muốn tránh ý nghĩa ấy để khỏi đề cập tới lý thuyết về quyền của lương tâm sai lầm.

Vậy đối tượng của quyền tự do tôn giáo được định nghĩa cách tiêu cực như là một đặc miễn. Sự đặc miễn khỏi áp lực là một đối tượng chính đáng hoàn toàn phù hợp với phẩm giá con người. Từ lâu, giáo thuyết công giáo luôn chấp nhận quyền không bị sự cưỡng bách chi phối. Còn quyền không bị ngăn cản thì mới được chấp nhận ở thời đại hiện tại. ([Trở lại đầu trang](#))

6* Có một số Nghị Phụ quan niệm quyền tự do tôn giáo như một quyền công dân thông thường được phép chấp nhận tùy theo công ích và đặt nên tâng trong một hoàn cảnh lịch sử xác định nào đó. Nếu hoàn cảnh lịch sử đổi thay, quyền tự do này có thể mất theo. ([Trở lại đầu trang](#))

2 Xem Gioan XXIII, Tđ Pacem in terris, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 260-261. - Piô XII, Nuntius radiophonicus, 24-12-1942, AAS 35 (1943), trg 19. - Piô XI, Tđ, Mit brennender Sorge, 14-3-1937: AAS 29 (1937), trg 160. - Lêô XIII, Tđ Libertas praestantissimum, 20-6-1888; Acta Leonis XIII, 8 (1888), trg 237-238. ([Trở lại đầu trang](#))

7* Lý trí, ý chí tự do, trách nhiệm luân lý là những yếu tố cấu tạo của con người: chúng là nền tảng và căn nguyên của tự do tôn giáo. Đoạn này nhấn mạnh về bản tính con người cách tổng quát ngay trước khi đi tìm chân lý. Theo đó, quyền đặc miễn này tồn tại trong mọi người, ngay cả nơi những người không chu toàn bổn phận tìm kiếm chân lý, vì chung, họ vẫn giữ nguyên vẹn bản tính có khả năng theo đuổi mục đích này, và là một bản tính được tạo dựng vì mục đích ấy.

Lý chứng này của Thánh Công Đồng có thể được mọi người chấp nhận, ngay cả những người vô tín ngưỡng. ([Trở lại đầu trang](#))

8* Không những không có mâu thuẫn giữa tự do tôn giáo và bổn phận đi tìm chân lý, mà hơn thế tự do tôn giáo lại đặt nền tảng trên bổn phận đi tìm chân lý. Đàng khác chính bổn phận này đòi hỏi phải có tự do tôn giáo. ([Trở lại đầu trang](#))

9* Lý chứng của số 7 được Thánh Công Đồng nhắc lại cách dứt khoát hơn, Đồng thời, các Nghị Phụ nhấn mạnh tới tương quan giữa con người với Thiên Chúa là Chân Lý hằng hữu. Chúng ta đạt được sự hiểu biết về Thiên Chúa và về lề luật của Ngài nhờ việc tìm kiếm riêng (số 3a), nhờ lời dạy bảo và đối thoại (số 3b), nhất là nhờ mệnh lệnh của lương tâm (số 3c). ([Trở lại đầu trang](#))

3 Xem T. Tôma, Summa theologiae, I-II, q. 91, a. 1; q. 93, a. 1-2. ([Trở lại đầu trang](#))

4 Xem Gioan XXIII, Tđ Pacem in terris, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 270. - Phaolô VI, Nuntius radiophonicus, 22-12-1964: AAS 57 (1965), trg 181-182. - T. Tôma, Summa theologica, I-II, q. 91, a. 4c. ([Trở lại đầu trang](#))

10* Ở đây, Thánh Công Đồng đề cập tới lãnh vực chủ thể xã hội. Ngoài cá nhân, chủ thể được hưởng quyền tự do này còn là những tập thể tôn giáo, được xem như những chủ thể đích thực và trực tiếp theo luật (số 4). Các gia đình cũng là những chủ thể xã hội hưởng quyền này. ([Trở lại đầu trang](#))

11* Vì thế, nếu không có phương hại đến đòi hỏi chính đáng của trật tự công cộng, quyền tự do tôn giáo phải được bảo vệ nơi các cộng đoàn. Ở những số kế tiếp, các Nghị Phụ ấn định tầm mức rộng rãi của quyền tự do tôn giáo. Quyền này bao gồm: 1) đòi sống nội tâm (số 4b,c). - 2) quyền tuyên xưng đức tin cách công khai (số 4d). - 3) quyền điều hành những hoạt động và qui chế thuộc lãnh vực trần thế theo ánh sáng giáo lý riêng. ([Trở lại đầu trang](#))

12* Giữa những quyền lợi của con người mà Quốc gia dân chủ hiện đại có trách nhiệm phải bảo vệ, bằng cách tạo nên những điều kiện xã hội thích hợp cho việc thi hành những quyền lợi đó, phải kể cả quyền tự do tôn giáo hiểu theo ý nghĩa của bản Tuyên Ngôn. Như vậy, Quốc gia tự căn bản, có cùng những nhiệm vụ trong lãnh vực tôn giáo cũng như đã có đối với các quyền lợi khác của con người.

Do đó, Quốc gia phải: 1) công nhận và tôn trọng quyền này (số 6c). - 2) bảo vệ bằng pháp luật (số 6b). - 3) phát huy (số 6b). - 4) hạn chế sự thi hành quyền đó trong trường hợp những yếu tố căn bản của công ích bị xúc phạm (số 7).

Văn kiện phác họa một mẫu Quốc gia; dĩ nhiên Quốc gia ấy không được coi như là quốc gia trung lập hay "ngoại đạo". Đứng ra đó là một mẫu quốc gia mà người ta gọi là "trần thế", theo nghĩa không có quyền thẩm định về những giá trị tinh thần hay về nội dung các tín ngưỡng. Tuy nhiên, Quốc gia đó có bổn phận phải thừa nhận và tôn trọng các giá trị này; và vì thế cũng phải gắng sức lo liệu cho mọi công dân khỏi thiếu các phương tiện để vun trồng và thâm nhiễm các giá trị ấy. ([Trở lại đầu trang](#))

5 Xem Gioan XXIII, Tđ Mater et Magistra, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 417; n.t, Tđ Pacem in terris, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 273. ([Trở lại đầu trang](#))

6 Xem Gioan XXIII, Tđ, Pacem in terris, 11-3-1963: AAS 55 (1963), trg 273-274, Piô XII, Nuntius radiophonicus, 1-6-1941: AAS 33 (1941), trg 200. ([Trở lại đầu trang](#))

7 Xem Lêô XIII, Tđ Immortale Dei, 1-11-1885: AAS 18 (1885), trg 161. ([Trở lại đầu trang](#))

13* Ở đây, Thánh Công Đồng ám chỉ đến những quốc gia theo quốc giáo. Các Nghị Phụ công nhận tính chất bất hợp pháp của các quốc gia như thế.

Tuy nhiên, cách nói "về hoàn cảnh riêng" của Công Đồng cho chúng ta hiểu rằng quốc giáo chỉ là tình trạng pháp lý do một hoàn cảnh lịch sử xã hội nhất định và cá biệt tạo ra. Vì vậy, các quốc gia đó phải nhận biết những giới hạn cần thiết của mình. ([Trở lại đầu trang](#))

14* Các Nghị Phụ đề cập tới bổn phận và giới hạn của quyền bính ở các quốc gia theo quốc giáo. Đoạn này rất tế nhị do những lạm dụng có thể xảy ra vì quyền giới hạn này.

Thánh Công Đồng đưa ra hai qui luật: qui luật luân lý (số 7b) và qui luật pháp lý (số 7c). ([Trở lại đầu trang](#))

15* Do nhiều Hiến pháp của các quốc gia tân tiến, và những văn kiện quốc tế gợi ý, Thánh Công Đồng nhìn nhận rằng ý niệm "trật tự công cộng" sẽ được xem như là tiêu chuẩn khách

quan cho những can thiệp của quyền bính quốc gia. Trật tự công cộng mà hình luật qui chiếu, là phần chính yếu của lợi ích chung, phải được đảm bảo sao cho đời sống xã hội xứng đáng với phẩm giá con người.

Công quyền có quyền và bổn phận bảo vệ trật tự đó bằng cách cấm đoán và ngăn cản mọi hành vi phương hại nhiều đến công ích.

Dĩ nhiên, các Nghị Phụ không muốn nói đến bất cứ một loại trật tự công cộng nào, nhưng là một trật tự xã hội thích hợp với trật tự luân lý khách quan và đặt nền tảng trên sự công bình chân thực.

Như thế, chúng ta nhận thấy rằng, khi nói tới việc đề cao và bảo vệ quyền tự do tôn giáo (số 6), công ích phải được quan niệm rộng rãi hết sức. Thế nhưng, khi phải hạn chế quyền tự do đó, Thánh Công Đồng lại dẫn đo và để ý tới những yếu tố căn bản của lợi ích chung đó. Bởi vì, việc đảm bảo và duy trì những yếu tố ấy rất cần thiết cho đời sống xã hội. Cách cụ thể, chúng ta nhận thấy chính hình luật được soạn thảo dựa theo trật tự công cộng. ([Trở lại đầu trang](#))

Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo Digitatis Humanae

**Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X
Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia**

II. Tự Do Tôn Giáo Dưới Ánh Sáng Mạc Khải ^{16*}

9. Giáo lý về tự do tôn giáo bắt nguồn từ Mạc Khải. Những điều Thánh Công Đồng Vaticanô này tuyên bố về tự do tôn giáo của con người, được xây dựng trên nhân phẩm, mà nhờ kinh nghiệm của bao thế hệ, lý trí con người ngày càng thấy rõ những đòi hỏi của nhân phẩm ấy. Hơn nữa, giáo lý về tự do tôn giáo còn bắt nguồn từ Mạc Khải của Thiên Chúa, nên người Kitô hữu càng phải thành kính tuân theo. Mặc dầu không minh nhiên xác nhận quyền tự do khỏi mọi cưỡng bách bên ngoài trong phạm vi tôn giáo, Mạc Khải cũng đã cho thấy nhân phẩm với toàn thể tầm mức rộng lớn của nó. Mạc Khải còn chứng tỏ rằng Chúa Kitô đã tôn trọng quyền tự do của con người trong khi họ thi hành bổn phận tin vào lời Chúa và dạy cho chúng ta biết tinh thần mà những đồ đệ của một vị Thầy như thế phải nhận biết và tuân theo trong mọi lãnh vực. Tất cả những điều trên làm sáng tỏ những nguyên tắc chung là những nguyên tắc đặt nền tảng cho học thuyết về tự do tôn giáo của bản Tuyên Ngôn này. Nhất là tự do tôn giáo trong xã hội hoàn toàn phù hợp với tự do trong hành vi đức tin Kitô giáo.

10. Hành vi đức tin phải được tự do. Một trong những điểm chính yếu của học thuyết công giáo, được chứa đựng trong lời Chúa và hằng được các Giáo Phụ giảng dạy ⁸, là con người phải tự ý đáp lại lời Chúa trong đời sống đức tin. Do đó, không ai bị cưỡng bách phải chấp nhận đức tin trái với ý muốn ⁹. Thật vậy, tự bản chất, hành vi đức tin là một hành vi tự ý, vì dù được Chúa

Kitô, Đấng Cứu Thế, giải thoát và được mời gọi trở nên dưỡng tử nhờ Chúa Giêsu Kitô ¹⁰, con người cũng không thể tin theo Thiên Chúa, Đấng tự mạc khải, nếu sau khi được Chúa Cha lôi cuốn ¹¹, họ không tin phục Thiên Chúa trong tự do và hợp lý. Vì vậy, trong lãnh vực tôn giáo, loại trừ mọi thứ cưỡng bách về phía con người là điều hoàn toàn phù hợp với bản chất của đức tin. Bởi đó, ý nghĩa tự do tôn giáo sẽ góp phần không nhỏ vào việc tạo nên hoàn cảnh thuận lợi, trong đó, con người có thể dễ dàng được mời gọi vào đức tin Kitô giáo, tự ý đón nhận và bày tỏ đức tin ấy một cách nhiệt thành trong cả cuộc sống.

11. Cách hành động của Chúa Kitô và các Tông Đồ. Quả thực Thiên Chúa mời gọi con người phụng thờ Ngài trong tinh thần và chân lý. Do đó, con người bị ràng buộc nơi lương tâm chứ không hề bị cưỡng bách. Thực vậy, Thiên Chúa tôn trọng phẩm giá con người do chính Ngài tạo nên, phẩm giá ấy phải được hưởng tự do và được hướng dẫn theo phán đoán của chính con người. Điều này hoàn toàn nổi bật nơi Chúa Kitô, nơi Người, Thiên Chúa đã mạc khải chính mình và những đường lối của mình một cách trọn hảo ^{17*}. Quả thật, Chúa Kitô là Thầy và là Chúa chúng ta ¹², chính Người là Đấng hiền lành và khiêm nhường trong lòng ¹³, nên Người đã kiên nhẫn lôi kéo và mời gọi các môn đệ ¹⁴. Quả thật, người đã trợ giúp và chứng thực lời giảng thuyết của Người bằng những phép lạ để khơi dậy và củng cố lòng tin của những thánh giả chứ không phải tạo áp lực cưỡng ép họ ¹⁵. Thực sự Người đã quở mắng những thánh giả cứng lòng tin, nhưng Người dành quyền luận phạt cho Thiên Chúa trong ngày thẩm phán ¹⁶.

Khi sai các Tông Đồ đi khắp thế gian, Người phán: "Ai tin và chịu phép Rửa Tội thì sẽ được rỗi, còn ai không tin sẽ bị đoán phạt" (Mc 16,16). Khi nhận thấy cỏ lùng được gieo lẫn vào lúa, chính Người đã dạy: cứ để cả hai cùng mọc lên cho đúng mùa gặt sẽ xảy ra khi thời gian viên mãn ¹⁷. Vì không muốn là một Đấng Thiên Sai làm chính trị, dùng sức mạnh để cai trị ¹⁸, nên Người thích tự xưng là Con Người, đến "để phục vụ và hiến mạng sống mình làm giá chuộc muôn dân" (Mc 10,45). Người đã tỏ ra là một Tôi tớ hoàn hảo của Thiên Chúa ¹⁹, "Người sẽ chẳng bẻ gãy cây sậy đã giập, chẳng tắt ngọn đèn đang tàn" (Mt 12,20). Người đã thừa nhận quyền bính dân sự và những quyền lợi liên hệ, Người đã truyền phải nộp thuế cho Caesar, đồng thời Người dạy bảo một cách rõ ràng phải tuân giữ những quyền tối thượng của Thiên Chúa: "Của Caesar hãy trả cho Caesar, còn của Thiên Chúa hãy trả cho Thiên Chúa" (Mt 22,21). Sau cùng, Người đã hoàn tất việc mạc khải khi chu toàn công cuộc cứu chuộc trên thập giá, nhờ đó Người đã đem lại cho con người ơn cứu rỗi, và sự tự do đích thực.

Người đã làm chứng cho chân lý ²⁰. Nhưng Người không muốn dùng sức mạnh để bắt buộc những kẻ đối lập phải tin theo. Quả thực, Nước Người được bảo vệ không phải do bạo lực ²¹, nhưng được bền vững do việc làm chứng và đón nghe chân lý, được bành trướng nhờ tình yêu, tình yêu mà Chúa Kitô khi bị treo trên thập giá đã kéo mọi sự đến với Người ²².

Các Tông Đồ được Chúa Kitô dùng lời nói và gương sáng dạy bảo cũng đã đi theo con đường ấy. Từ thời Giáo Hội sơ khai, các môn đệ Chúa Kitô đã không dùng hành động áp bức và những mưu mô bất xứng với Phúc Âm, nhưng trước hết, các ngài đã dùng sức mạnh của lời Chúa để dẫn đưa con người trở về tin nhận Chúa Kitô ²³. Các ngài đã mạnh dạn loan truyền cho mọi người biết ý định của Thiên Chúa Cứu Chuộc, "Đấng muốn cho hết mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý" (1Tim 2,4). Nhưng đồng thời các ngài cũng tôn trọng những người yếu đuối, mặc dù họ đang sống trong lầm lạc và tỏ cho họ biết "mỗi người chúng ta đều phải trả lẽ trước nhan Thiên Chúa" như thế nào (Rm 14,12) ²⁴ và phải hết sức tuân theo lương tâm mình. Cũng như Chúa Kitô, các Tông Đồ luôn chú tâm làm chứng cho chân lý của Thiên Chúa. Hơn thế nữa, các ngài còn thừa can đảm rao giảng "lời Chúa với lòng tin tưởng" (CvSđ 4,31) trước mặt dân

chúng và các nhà cầm quyền ²⁵. Các ngài xác tín rằng chính Phúc Âm thực là sức mạnh Thiên Chúa nhằm cứu rỗi mọi kẻ tin theo ²⁶.

Vì thế, từ khước mọi "khí giới nhục thể" ²⁷, noi gương hiền lành và khiêm nhường của Chúa Kitô, các ngài đã rao giảng lời Chúa với tất cả lòng tin tưởng vào sức mạnh thần linh của lời ấy, để phá tan mọi quyền lực chống lại Thiên Chúa ²⁸, giúp mọi người trở về đức tin và vâng phục Chúa Kitô ²⁹. Cũng như Thầy mình, các Tông Đồ đã nhìn nhận chính quyền hợp pháp: "Mọi người hãy tùng phục quyền trên. Ai chống đối quyền bính tức chống lại mệnh lệnh Thiên Chúa" (Rm 13,1-2) ³⁰. Đồng thời, các ngài cũng không sợ phải phản đối công quyền khi công quyền phản lại thánh ý Thiên Chúa: "Phải vâng lời Thiên Chúa hơn người ta" (CvSđ 5,29) ³¹. Trải qua mọi thế hệ và khắp mọi nơi trên trái đất, biết bao vị tử đạo và tín hữu đã đi theo con đường ấy.

12. Giáo Hội theo chân Chúa Kitô và các Tông Đồ. Vì vậy, trung thành với chân lý Phúc Âm Giáo Hội noi theo con đường của Chúa Kitô và của các Tông Đồ, khi nhìn nhận và bênh vực quan điểm tự do tôn giáo như một quan điểm phù hợp với phẩm giá con người và những gì Thiên Chúa đã mạc khải. Qua dòng thời gian, Giáo Hội vẫn duy trì và truyền dạy giáo thuyết đã nhận lãnh nơi Thầy Chí Thánh và các Tông Đồ. Mặc dầu đời sống của Dân Thiên Chúa, trải qua những cuộc thăng trầm của lịch sử nhân loại lữ thứ, một đôi khi cũng có những phương cách hành động ít thích hợp, hay hơn nữa trái với tinh thần Phúc Âm, tuy nhiên giáo lý Giáo Hội luôn dạy rằng không ai cưỡng ép phải tin.

Men Phúc Âm đã hoạt động lâu dài trong các tâm hồn và giúp nhiều cho con người đến nỗi, qua dòng thời gian, con người nhận biết sâu xa hơn về phẩm giá của mình, và xác tín thêm rằng trong lãnh vực tôn giáo, con người trong xã hội phải được bảo đảm thoát khỏi mọi cưỡng bách do loài người.

13. Tự do của Giáo Hội. Trong số những điều có liên quan đến lợi ích của Giáo Hội, và ngay cả đến lợi ích của xã hội trần thế, những điều cần phải được tôn trọng mọi nơi và mọi đời cũng như phải được bảo vệ khỏi mọi bất công, thì chắc chắn điều quan trọng nhất là Giáo Hội phải được toàn quyền tự do hành động tương xứng với việc đem ơn cứu rỗi cho mọi người ³². Vì thế chính sự tự do này là linh thiêng, sự tự do mà Con Một Thiên Chúa đã trang điểm cho Giáo Hội, một Giáo Hội được mua chuộc bằng chính Máu Người ^{18*}. Sự tự do ấy là của riêng Giáo Hội cho nên những ai chống báng tự do này tức là chống lại ý định Thiên Chúa. Quyền tự do của Giáo Hội là nguyên tắc căn bản cho mọi liên lạc giữa Giáo Hội và chính quyền cũng như toàn thể cơ cấu dân sự.

Trong xã hội loài người và đối với bất cứ công quyền nào, Giáo Hội đòi cho mình quyền tự do với tư cách mình là một quyền bính thiêng liêng do Chúa Kitô thiết lập, và thừa lệnh Thiên Chúa, đã lãnh nhiệm vụ đi khắp thế gian rao giảng Phúc Âm cho mọi tạo vật ³³. Giáo Hội cũng đòi cho mình quyền tự do vì Giáo Hội cũng là một xã hội gồm những người có quyền sống trong xã hội dân sự theo những giới luật của đức tin Kitô giáo ³⁴.

Thế nên, nơi nào thể chế tự do tôn giáo thịnh hành, nghĩa là không những được công bố bằng lời nói hay được phê chuẩn qua các đạo luật nhưng còn được đem ra thực hành cách thành thực, thì ở đó Giáo Hội mới tìm được những điều kiện vững chắc, trên nguyên tắc cũng như trong thực hành, khả dĩ bảo đảm sự độc lập cần thiết hầu chu toàn sứ mệnh của Thiên Chúa, và giao quyền càng ngày càng tha thiết đòi hỏi phải có sự độc lập này trong xã hội ³⁵. Đồng thời các Kitô hữu cũng như các người khác đều được hưởng quyền công dân để không bị ngăn cản hành động theo lương tâm trong đời sống của mình. Như thế, tự do của Giáo Hội luôn hòa hợp với tự do tôn giáo. Tự do tôn giáo này phải được coi là quyền lợi của mọi người và của mọi cộng đoàn và phải được chấp nhận trong thể chế pháp lý.

14. Sứ mệnh của Giáo Hội. Để vâng theo mệnh lệnh của Thiên Chúa: "Hãy dạy dỗ muôn dân" (Mt 28,19). Giáo Hội Công Giáo phải làm việc không quản khó nhọc: "để lời Chúa được lan rộng và sáng tỏ" (2Th 3,1).

Vì thế, Giáo Hội tha thiết xin các con cái mình, trước hết "hãy van nài, cầu nguyện, khẩn khoản và tạ ơn cho hết mọi người... Đó là điều tốt đẹp và hợp tôn ý Thiên Chúa, Đấng Cứu Chuộc chúng ta, Đấng muốn cho hết mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý" (1Tm 2,1-4).

Tuy nhiên, trong việc huấn luyện lương tâm, các Kitô hữu phải luôn chú trọng đến giáo lý thánh thiện và vững chắc của Giáo Hội ³⁶. Thật vậy, theo ý định của Chúa Kitô, Giáo Hội Công Giáo là thầy dạy chân lý và có nhiệm vụ loan báo và truyền dạy chân lý là Chúa Kitô một cách chính thức, đồng thời phải lấy uy quyền mình mà công bố và xác nhận những nguyên tắc thuộc phạm vi luân lý, phát sinh tự bản tính con người. Ngoài ra, các Kitô hữu phải khôn ngoan tiếp xúc với những người ngoài Kitô giáo, "trong Chúa Thánh Thần, trong đức ái không giả dối, trong lời chân thật" (2Cor 6,6-7). Phải cố gắng tỏa ánh sáng sự sống với tất cả lòng tin tưởng vững chắc ³⁷ và lòng can đảm của người tông đồ, cho dù phải đổ máu.

Bởi thế, mỗi một môn đệ đều có bổn phận quan trọng đối với Chúa Kitô, Thầy Chí Thánh của mình, là phải luôn luôn tìm cách thấu hiểu chân lý mà Người đã trao ban, phải trung thành loan truyền và can đảm bảo vệ, nhưng không được dùng những phương tiện trái với tinh thần Phúc Âm. Nhưng đồng thời, vì tình yêu Chúa Kitô thúc bách, họ hãy lấy tình thương, sự khôn ngoan và lòng kiên nhẫn để đối xử với những kẻ còn sống trong lầm lạc hoặc chưa nhận biết đức tin ³⁸. Vì vậy, phải quan tâm đến những bổn phận đối với Chúa Kitô, là Ngôi Lời ban sự sống phải được loan truyền; đồng thời, phải chú ý đến những quyền lợi của con người cũng như đến mức độ ơn thánh mà Thiên Chúa, nhờ Chúa Kitô ban cho những ai được mời gọi để tự ý nhận lãnh và tuyên xưng đức tin.

15. Kết luận. Hẳn nhiên phải công nhận là thời nay con người khát mong được tự do tuyên xưng tôn giáo mình một cách riêng tư cũng như công khai ^{19*}. Hơn nữa, họ còn muốn tự do tôn giáo phải được hầu hết các hiến pháp công bố như một dân quyền và phải được các văn kiện quốc tế long trọng chấp nhận ³⁹.

Tuy nhiên, có nhiều chế độ, mặc dù đã chấp nhận quyền tự do phụng tự nơi Hiến Pháp, nhưng chính các cơ quan công quyền lại luôn tìm cách bắt người dân phải xa lìa tôn giáo họ tin theo và làm cho đời sống các cộng đoàn tôn giáo trở nên vô cùng bấp bênh và gặp nhiều trở ngại.

Trong niềm hân hoan chào đón những dấu hiệu tốt đẹp của thời đại này, nhưng đồng thời cũng phải đau lòng nói lên những sự kiện đáng tiếc, Thánh Công Đồng khuyên nhủ những người công giáo và nài xin tất cả mọi người hãy để ý xem quyền tự do tôn giáo cần thiết như thế nào, nhất là trong hoàn cảnh hiện tại của gia đình nhân loại.

Quả thực, người ta nhận thấy rằng mọi dân tộc ngày càng hiệp nhất với nhau hơn và mọi người ngày càng liên kết chặt chẽ với nhau hơn, dù có khác biệt nhau về văn hóa và tín ngưỡng. Sau cùng, người ta cũng nhận thấy mỗi cá nhân ý thức hơn về trách nhiệm mình. Do đó, để thiết lập và củng cố giữa nhân loại mối tương giao ôn hòa và thuận hảo, điều cần thiết là khắp nơi trên hoàn cầu, tự do tôn giáo phải được bảo vệ nhờ sự hỗ trợ hữu hiệu của luật pháp, cũng như những bổn phận và quyền lợi tối thượng của con người trong việc sống đạo giữa xã hội phải được tôn trọng.

Ước mong Thiên Chúa cũng là Cha mọi người, làm cho gia đình nhân loại sau khi đã cẩn thận tuân giữ thể chế tự do tôn giáo trong xã hội, được đạt tới tự do cao cả vĩnh cửu "dành cho vinh

quang con cái Thiên Chúa" (Rm 8,21), nhờ ơn sủng Chúa Kitô và quyền năng của Chúa Thánh Thần.

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Tuyên Ngôn này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 7 tháng 12 năm 1965.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Chú Thích:

16* Tự do tôn giáo theo nghĩa chuyên môn là một khái niệm pháp lý đặc thù ở thời đại chúng ta. Khái niệm này không được nói rõ trong Mạc Khải, nhưng nó bắt nguồn và được minh chứng từ đó; thực vậy giáo thuyết này đặt nền tảng trên nhân phẩm con người, một nhân phẩm chỉ được hiểu trọn vẹn nhờ ánh sáng Mạc Khải. ([Trở lại đầu trang](#))

8 Xem Lactantiô, *Divinarum Institutionum*, c V, 19: CSEL 19, trg 463-464; Pl 6,614 và 616 (ch 20). - T. Ambrosiô, *Epistola ad Valentianum Imp*, Ep 21: Pl 16, 1005. - T Augustinô, *Contra litteras Petiliani*, c. II, ch. 83: CSEL 52, trg 112; PL43, 315. - Xem C. 23, vấn đề 5, ch 33 (x.b. Friedberg, cột 939). - N.t. Epist. 23: PL 33, 98. - N.t. Epist. 34: PL33, 132. - N.t. Epist 35: PL 33, 135. - T. Gregoriô cả, *Epistola ad Virglitum et Theodorum episcopos Massiliae Galliarum*, *Registrum Epistolarum*, I, 45: MGH Epist, 1, trg 72: PL 77, 510-511 (c I, thư 47). - N.t. *Epistola ad Joannem Episcopum Constantinopplitanum*, *Registrum Epistolarum*, III, 52: MGH Epist, I trg 210; PL 77, 649(c III, thư 33). - Xem D 45, ch 1 (x.b. Friedberg cột 160). - CĐ Tolet IV, ch 57; Mansi 10,633. - Xem D. 45, ch. 5 (x.b. Friedberg, cột 161-162). - Clémentê III, X, V, 6,9 (x.b. Friedberg, cột 774), Innocentiô III, *Epistola ad Arelatensem Archiepiscopum*, X, III, 42, 3 (x.b. Friedberg, cột 646). ([Trở lại đầu trang](#))

9 Xem CIC, kh. 1351. - Piô XII, Huấn từ cho các Vị Cao Cấp cũng như các viên chức và tông sự khác của Tòa Thượng Thẩm Roma, 6-10-1946: AAS 38 (1946), trg 394. - N.t. Tđ, *Mystici Corporis*, 29-6-1943: AAS 35 (1943), trg 243. ([Trở lại đầu trang](#))

10 Xem Eph 1,5. ([Trở lại đầu trang](#))

11 Xem Gio 6,44. ([Trở lại đầu trang](#))

17* Chúng ta có thể ngạc nhiên khi thấy Thánh Công Đồng không đề cập gì tới Cựu Ước. thực ra, có nhiều yếu tố của Cựu Ước đã được rút ra làm điểm tựa cho giáo thuyết của Tuyên Ngôn. Tuy nhiên Thánh Công Đồng không đem vào bản văn những chi tiết trực tiếp liên quan tới tình trạng lịch sử rõ ràng của Do Thái.

Thánh Công Đồng nhắc đến phương cách hành động của chính Chúa Kitô và của các tông đồ qua hai khía cạnh: về sự tôn trọng lương tâm và sự tự do đón nhận đức tin; về hai quyền bính cũng như hai phạm vi thẩm quyền riêng biệt. Chúng ta có thể nghĩ đúng rằng, sự phân biệt giữa

hai quyền bính này, trên bình diện lịch sử là động lực quyết định cho sự xuất hiện của lương tâm và của đòi hỏi tự do để được xem như quyền lợi trong lãnh vực tôn giáo. ([Trở lại đầu trang](#))

12 Xem Gio 13,13. ([Trở lại đầu trang](#))

13 Xem Mt 11,29. ([Trở lại đầu trang](#))

14 Xem Mt 11,28-30; Gio 6,67-68. ([Trở lại đầu trang](#))

15 Xem Mt 9,28-29; Mc 9,23-24; 6,5-6. - Phaolô VI, Tđ. Ecclesiam suam, 6-8-1964, AAS 56 (1964), trg 642-643. ([Trở lại đầu trang](#))

16 Xem Mt 11,20-24; Rm 12,19-20; 2Th 1,8. ([Trở lại đầu trang](#))

17 Xem Mt 13,30 và 40-42. ([Trở lại đầu trang](#))

18 Xem Mt 4,8-10; Gio 6,15. ([Trở lại đầu trang](#))

19 Xem Is 42,1-4. ([Trở lại đầu trang](#))

20 Xem Gio 18,37. ([Trở lại đầu trang](#))

21 Xem Mt 26,51-53; Gio 18,36. ([Trở lại đầu trang](#))

22 Xem Gio 12,32. ([Trở lại đầu trang](#))

23 Xem 1Cor 2,3-5; 1Th 2,3-5. ([Trở lại đầu trang](#))

24 Xem Rm 14,1-23; 1Cor 8,9-13; 10,23-33. ([Trở lại đầu trang](#))

25 Xem Eph 6,19-20. ([Trở lại đầu trang](#))

26 Xem Rm 1,16. ([Trở lại đầu trang](#))

27 Xem 2Cor 10,4; 1Th 5,8-9. ([Trở lại đầu trang](#))

28 Xem Eph 6,11-17. ([Trở lại đầu trang](#))

29 Xem 2Cor 10,3-5. ([Trở lại đầu trang](#))

30 Xem 1P 2,13-17. ([Trở lại đầu trang](#))

31 Xem CvSđ 4,19-20. ([Trở lại đầu trang](#))

32 Xem Lêô XIII, Thư Officio sanctissimo, 22-12-1887, AAS 20 (1887) trg 269. - N.t. Thư Ex litteris, 7-4-1887: AAS 19 (1886), trg 465. ([Trở lại đầu trang](#))

18* Nhờ sứ mệnh của Chúa Kitô trao phó, Giáo Hội có thêm danh hiệu độc quyền và thánh thiện trong việc đòi hỏi tự do tôn giáo. Dưới khía cạnh thiêng liêng này, đặc quyền này thuộc về Giáo Hội và duy nhất cũng như trước nhất cho Giáo Hội mà thôi. Nhưng nếu xét theo nội dung của quyền tự do này thì chắc chắn quyền của Giáo Hội cũng là quyền lợi của mọi người về tự do tôn giáo. ([Trở lại đầu trang](#))

33 Xem Mc 16,15; Mt 28,18-20. - Piô XII, Tđ Summi Pontificatus, 20-10-1939: AAS 31 (1939), trg 445-446. ([Trở lại đầu trang](#))

34 Xem Piô XII, Thư Firmissimam Constantiam, 28-3-1937: AAS 29 (1937), trg 196. ([Trở lại đầu trang](#))

35 Xem Piô XII, Huấn từ Ci riesce, 6-12-1953: AAS 45 (1953), trg 802. ([Trở lại đầu trang](#))

36 Xem Piô XII, Nuntius radiophonicus, 23-3-1952: AAS 44 (1952), trg 270-278. ([Trở lại đầu trang](#))

37 Xem CvSđ 4,29. ([Trở lại đầu trang](#))

38 Xem Gioan XXIII, Tđ Pacem in terris, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 299-300. ([Trở lại đầu trang](#))

19* Sau khi đã nói với con cái mình (số 14), Thánh Công Đồng trong bản Tuyên Ngôn muốn lên tiếng với hết mọi người, nghĩa là với lớp thánh giá mà Giáo Hội đã mong ước nhắm tới ngay từ đầu. ([Trở lại đầu trang](#))

39 Xem Gioan XXIII, Tđ Pacem in terris, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 295-296. ([Trở lại đầu trang](#))

<http://www.catholic.org.tw/vntaiwan/vatican2/vatican2.htm>

<https://sites.google.com/site/congdongvatican2/>